

MỘT VÀI KHÓA CẠNH VỀ TÍNH NHÂN VĂN TRONG TRIẾT HỌC PHÁP THỜI KỲ CẬN ĐẠI

NGUYỄN KHOA HUY*

Với triết học vấn đề con người, đặc biệt là tính nhân văn luôn là đối tượng, đề tài nghiên cứu được quan tâm. Tính nhân văn trong triết học Pháp thời kỳ cận đại có giá trị lý luận và thực tiễn lớn với sự khẳng định tự do là quyền thiêng liêng của con người, thực tiễn chống áp bức, bất công và đặc biệt là tư tưởng giải phóng phụ nữ. Trên cơ sở sử dụng phương pháp phân tích, so sánh, bài viết mang lại cách nhìn toàn diện về tính nhân văn trong triết học Pháp thời kỳ cận đại, đồng thời góp phần khẳng định giá trị của triết học Marx - Lenin về vấn đề con người và giải phóng con người.

Từ khóa: con người, triết học Pháp, thời kỳ cận đại

Nhận bài ngày: 15/3/2023; đưa vào biên tập: 18/3/2023; phản biện: 29/3/2023; duyệt đăng: 05/4/2023

1. DẪN NHẬP

Thời kỳ cận đại ở Pháp là sự tiếp nối thời phục hưng, bắt đầu từ thế kỷ XVII kéo dài đến cuối thế kỷ XVIII (từ năm 1601 đến năm 1800). Với những sự thay đổi lớn lao trên tất cả mọi lĩnh vực của đời sống kinh tế - xã hội, thời kỳ này không chỉ để lại một dấu ấn quan trọng trong triết học Pháp mà còn cho cả lịch sử triết học thế giới. Đó là thời kỳ của những

phát minh lớn, những quan điểm tiên bộ. Dưới tác động của kinh tế - chính trị và văn hóa xã hội, triết học Pháp đã tiến lên mạnh mẽ. Do vậy, tính nhân văn trong triết học Pháp thời kỳ này cũng mang những đặc điểm riêng, với những cung bậc mới. Trải qua đêm trường trung cổ, đến thời kỳ phục hưng, con người như bừng tỉnh. Phong trào văn hóa phục hưng ở Pháp bắt đầu diễn ra vào cuối thế kỷ XV. Qua các cuộc viễn chinh xâm lược nước Ý đã thúc đẩy sự phát triển phong trào phục hưng Pháp. Người Pháp tiến sang nước Ý,

* Trường Đại học Nông Lâm Thành phố Hồ Chí Minh.

tận mắt chứng kiến cảnh tượng mới mẻ khiến người Pháp vô cùng kinh ngạc và hâm mộ. Nhà vua Pháp lúc bấy giờ đã ủng hộ tư tưởng nhân văn của người Ý, cho phép truyền bá tư tưởng nhân văn này vào Pháp. Những nhân vật xuất sắc đại diện chủ nghĩa nhân văn Pháp thời kỳ đầu có: Lefevred' Etaples (1455-1536), Francois Rabelais (1494-1553), Michel Eyquem de Montaigne (1533-1592)⁽¹⁾.

Trong các quốc gia láng giềng thì Anh là nước có mối quan hệ mật thiết, gắn bó lâu đời cũng như có tầm ảnh hưởng lớn đến Pháp. Những sự thay đổi của Anh quốc đã tác động không nhỏ đến nước láng giềng Pháp về nhiều mặt, trong đó có cả triết học. Với một nền triết học đang phát triển, triết học Anh đã có những ảnh hưởng tích cực, trực tiếp đến triết học Pháp thời kỳ này. Tư tưởng của những triết gia tiêu biểu cho triết học Anh như: Francis Bacon (1561-1626), John Locke (1632-1704)⁽²⁾ đã ảnh hưởng lớn đến các nhà triết học Pháp. Chính Denis Diderot (1713-1784), Claude Adrien Helvetius (1715-1771) đã xuất phát từ học thuyết của Locke để xây dựng nên học thuyết của mình. Hay những tác phẩm của La Mettrie (1709-1851), bên cạnh việc dùng vật lý học của Descartes thì ông đã kết hợp nó với chủ nghĩa duy vật Anh. Tư tưởng cho rằng nhà nước là kết quả của sự thỏa thuận giữa mọi người trong xã hội được Hobbes đưa ra chính là cơ sở cho thuyết "Khế ước xã hội" được

các nhà triết học Pháp như: Denis Diderot, Montesquieu, Rousseau kế thừa và phát triển. Ngay cả phương pháp tư duy siêu hình, phương pháp chi phối nền triết học Pháp một thời gian dài cũng do ảnh hưởng từ triết học Anh.

Triết học Pháp thời kỳ cận đại mang đậm dấu ấn của thời đại. Cái ranh giới giữa triết và văn ở thời kỳ này dường như bị nhòa đi. Số đông những nhà triết gia đồng thời là những nhà văn (Charles Luis Secondat Montesquieu (1689-1775); Voltaire (1694-1778); Jean Jacques Rousseau (1712-1778); Denis Diderot (1713-1784); Paul Henry Holbach (1723-1789)... Qua ngòi bút đầy tài hoa, lãng mạn của những văn nghệ sĩ này, những vấn đề bức xúc trong đời sống xã hội hiện thực Pháp đã được phơi bày dưới nhiều góc cạnh. Họ đấu tranh vì quyền lợi chính đáng nhất, cơ bản nhất của con người trên tinh thần cách mạng tiến bộ của giai cấp tư sản đang lên.

Các cuộc chiến do triều đình phát động nhằm tranh giành quyền lợi đã nổ ra liên miên như: chiến tranh với Anh về vấn đề tranh chấp thuộc địa, chiến tranh giành quyền kế thừa ở Tây Ban Nha (1701), ở Ba Lan (1733), ở Áo (1740), chiến tranh Bảy năm (1756)... đã làm cho nền tài chính kiệt quệ, đất nước Pháp rơi vào cuộc khủng hoảng trầm trọng. Thêm vào đó, lối sống xa hoa của tầng lớp quý tộc, tầng lữ. Đặc biệt, tầng lớp tăng lữ và Giáo hội Cơ Đốc có thế lực rất lớn,

nắm trong tay một phần năm ruộng đất, nhưng lại không chăm lo đến đời sống người dân (dẫn theo Gia Khang, Kiến Văn, 2011: 19). Phía sau những bức rèm tường như ngoạn đạo ấy là biết bao việc ăn chơi xấu xa, thói nát. Để có tiền trang trải, giai cấp thống trị đã tăng cường bóc lột, đánh thuế người dân. Nhân dân khốn khổ nay lại càng khốn khổ hơn. Trong khi đó thì giai cấp tư sản mới trỗi dậy, ngày càng khẳng định vị thế của mình, song luôn bị quý tộc, nhà vua chèn ép... Tất cả những điều đó tạo nên một bức tranh chung, một khát vọng về tự do của con người.

2. NỘI DUNG

Hòa vào dòng chảy của lịch sử triết học nhân loại, tiếp nối thời phục hưng, triết học Pháp thời cận đại với sự ảnh hưởng của điều kiện kinh tế, chính trị, văn hóa và tư tưởng đã hình thành nên các nội dung mang tính nhân văn sâu sắc.

2.1. Tự do là quyền thiêng liêng của con người

Khẳng định quyền tự do, bình đẳng là đích đến trong quan niệm về con người của các nhà triết học Pháp có tư tưởng nhân văn thời kỳ cận đại. Họ đã lên tiếng đấu tranh cho quyền của con người, mong muốn đem lại hạnh phúc thực sự cho con người nơi trần thế, bác bỏ quan điểm của Giáo hội về tự do. Đồng thời họ cũng chỉ ra bản chất xấu xa của đẳng cấp quý tộc và tầng lớp, muốn lợi dụng tôn giáo để ru ngủ người dân, nhằm dễ bề đàn áp, bóc lột. Các triết gia này hướng

con người nhận thức chân lý, tự do của con người là quyền thiêng liêng, là quyền tự nhiên, không phải là thứ đến từ Thiên Chúa. Theo họ, nếu con người chỉ tự do trong mối quan hệ với Thiên Chúa, được tự do kiếm tìm và yêu mến Ngài thì điều đó không cho chúng ta thấy sự tự do đích thực của con người. Triết gia Holbach từng nói một con người tự do là do Thượng đế đã cho anh ta tự do thì "đó chính là sự vô lý mà tất cả các tôn giáo đều có thể đề cập tới và đối với nhiều người thì điều đó là không thể chịu được; nhưng chính họ lại không có lòng can đảm để vạch ra nguồn cội từ đâu mà những sự phi lý đó đã xuất phát" (dẫn theo Bernard Morichere, 2010: 677).

Trên cơ sở nhận thức lý tính, tiến bộ khoa học và tinh thần cách mạng, triết học Pháp đã kêu gọi con người hãy thức tỉnh, nhận thức giá trị của bản thân và ý nghĩa của cuộc sống. Mọi người cần phải mạnh dạn đứng lên, đấu tranh cho quyền tự do, bình đẳng. Không có ai sinh ra là đã có ngay cái quyền làm chủ người khác, hay có quyền bóc lột, chèn ép người khác. Vì theo Montesquieu (1996: 137): "mọi người sinh ra đều bình đẳng". Đó là một sự thật, một chân lý. Ngọn lửa cách mạng và tinh thần đấu tranh cho quyền tự do, bình đẳng của con người được thổi bùng lên trong triết học Pháp thời kỳ này.

Với việc chú trọng vấn đề tự do, các nhà khai sáng Pháp thời kỳ này đã nắm bắt được tinh thần của thời đại.

Những quan điểm tiên bộ đó trở thành khẩu hiệu mà giai cấp tư sản giương cao khi làm cuộc cách mạng chống lại chế độ chuyên chế phong kiến. Trong không khí cách mạng, các triết gia Pháp không chỉ đưa ra định nghĩa về tự do mà còn kêu gọi bản thân mỗi người cần đấu tranh vì quyền thiêng liêng và cao quý này. Với họ, con người cần chống lại những quan niệm đi ngược lại quyền tự do của con người, vi phạm quyền bình đẳng trong xã hội: “từ bỏ tự do của mình là từ bỏ phẩm chất con người, từ bỏ quyền làm người và nghĩa vụ làm người... Bản chất con người không thể dung hòa với sự từ bỏ vô điều kiện như thế” (Rousseau, 2006: 60).

Xuất thân trong một gia đình nghèo, Rousseau từng nếm trải cuộc sống khó khăn, vật lộn với đồng tiền. Suốt cuộc đời mình, ông đã chứng kiến và là nạn nhân của biết bao oan trái, bao áp bức trong một xã hội bất bình đẳng, xã hội mà giai cấp quý tộc phong kiến làm chủ. Chúng là những kẻ cậy quyền cậy thế chỉ biết ăn chơi và bóc lột người lao động nghèo đến tận xương tủy. Vị triết gia này thấm thía giá trị của tự do và bình đẳng. Với ngòi bút táo bạo, sắc sảo cùng vốn sống phong phú của mình, ông đã phê phán mạnh mẽ xã hội đương thời, những kẻ nắm quyền. Theo ông thì con người sinh ra đã có quyền tự do và bình đẳng, những quyền đó là không thể chối bỏ, không thể tách rời. Trong đó, bình đẳng là tiền đề của tự do, vì không có bình đẳng thì không

thể nào có tự do được. Rousseau đã trực tiếp phê phán, chống lại sự bất bình đẳng. Trong bài viết tham gia cuộc thi do Viện Hàn lâm Dijion tổ chức, ông đã vạch trần nguồn gốc của sự bất bình đẳng, chứng minh bất bình đẳng là sản phẩm của xã hội loài người, nó tồn tại và phát triển từ khi xuất hiện chế độ tư hữu. Cùng với sự ra đời của nhà nước thì sự bất bình đẳng càng lớn. Ông cho rằng, chính quyền nhà nước là công cụ chuyên chế và áp bức của những người chiếm hữu đối với những người không chiếm hữu: “Nếu như người ta hiểu rằng hoa lợi là chung và mảnh đất này không phải của riêng ai, thì nhân loại tránh được biết bao nhiêu tội ác, bao nhiêu chiến tranh, tàn sát đau thương. Ngay như chế độ phong kiến hiện tại cũng chỉ là một hình thức của sự bất bình đẳng. Con người đã tạo ra bất bình đẳng thì con người cũng có thể xóa bỏ nó đi” (dẫn theo Phùng Văn Tửu, 1996: 206).

Bài thi của nhà triết học khai sáng Pháp này đã làm rung chuyển cả nền triết học Pháp lúc bấy giờ. Nhiều cuộc tranh luận nảy lửa, cũng như các cuộc đấu tranh chính trị đã nổ ra sau khi bài viết này xuất bản thành sách *Về nguồn gốc bất bình đẳng*. Chính quyền đương thời ngay lập tức tìm cách chèn ép, khép tội cho Rousseau vì những tư tưởng quá sức tiên bộ, táo bạo này. Không hề dao động, bi quan hay run sợ, vượt lên tất cả những khó khăn, sự ngăn cấm, tinh thần cách mạng tiên bộ của Rousseau

càng được thể hiện. Ông không ngừng đấu tranh, không ngừng hướng đến một xã hội tốt đẹp, nơi đó quyền tự do, bình đẳng của con người được đảm bảo. Vì theo ông, trong xã hội đương thời vẫn còn đầy rẫy những bất công, vi phạm quyền con người. Và để đảm bảo hạnh phúc thực sự cho con người, nhà triết học Pháp này đặt ra yêu cầu là hệ thống lập pháp phải hoàn toàn phù hợp với các quyền tự nhiên bẩm sinh của con người. Ông khẳng định: “Nếu tìm xem điều tốt nhất cho tất cả mọi người và đỉnh cao nhất của các hệ thống lập pháp là cái gì, ta sẽ thấy điều đó quy gọn vào hai mục tiêu: Tự do và Bình đẳng” (Rousseau, 2006: 115). Với việc đi vào phân tích đời sống của con người, xem xét một cách sâu sắc, toàn diện thì con người hiện ra ở triết học Pháp thời kỳ này mang tính chất xã hội, là con người xã hội.

Từ việc đấu tranh đòi quyền tự do cho con người, hai đại diện tiêu biểu của triết học Pháp thời kỳ này là Jean Jacques Rousseau (1712-1778) và Charles Louis Secondat Montesquieu (1689-1775) đã lên tiếng khẳng định quyền lực của nhân dân trong bộ máy nhà nước, vai trò, vị trí của người dân trong việc thực thi pháp luật, đảm bảo ổn định xã hội. Theo Montesquieu, để bảo vệ tự do của dân chúng thì phải tổ chức như thế nào cho “quyền hành ngăn chặn quyền hành”, vì khuynh hướng chung của người có quyền là lạm dụng quyền lực đó. Chỉ khi nào quyền hành bị một quyền hành khác

ngăn chặn nó mới ngừng lại, không đi quá giới hạn luật định...

Đến Rousseau, ông đã phát triển tư tưởng trên, khi khẳng định rằng chủ quyền nhân dân là một thực thể tập thể, nó không thể được đại diện bởi cá nhân nào đó, mà là quyền lực được tiến hành bởi ý chí chung hay ý chí đa số không thể phân chia. Vậy ý chí chung đó sẽ hoạt động như thế nào? Theo Rousseau, ý chí chung chỉ có thể điều khiển các lực lượng nhà nước theo mục đích của cơ chế nhằm phục vụ lợi ích chung, phải dựa trên lợi ích chung để cai quản xã hội. Nhà nước được hình thành trên nền tảng một khế ước xã hội, có mục tiêu đảm bảo an sinh cho công dân. Sự ra đời của Nhà nước còn cho thấy sự chuyển nhượng tự do cá nhân và quyền lực xã hội thông qua “Khế ước” bằng ý chí chung. Nó phản ánh quyền lực tối thượng của cộng đồng, của nhân dân. Rousseau đã đưa ra và phân tích ba loại hình chính phủ. Đó là chính phủ dân chủ, chính phủ quân chủ, chính phủ quý tộc. Nhà triết học này đã phân tích ba loại hình chính phủ và ông đi sâu vào tổ chức Nhà nước. Trong đó Rousseau đưa ra kết luận về sự không chấp nhận đại diện nhân dân cản trở nhân dân thực hiện các quyền của mình.

2.2. Quyền bình đẳng cho phụ nữ

Trong khát vọng tự do, không chỉ đấu tranh cho quyền tự do và bình đẳng của con người một cách chung chung mà các nhà triết học Pháp thời kỳ này đã tiến tới đòi quyền bình đẳng cho

phụ nữ. Các phong trào đấu tranh cho phụ nữ đã nở rộ ở nước Pháp, nhất là thế kỷ XVIII. Thế kỷ này ở nước Pháp “được gọi là thời đại khai sáng, thời đại lý tính. Nhưng nếu nói nó là một thời đại của nữ giới thì cũng chẳng quá... Không ngoa khi nói rằng, đằng sau mỗi người phụ nữ Pháp đều có một người đàn ông hào hoa lịch thiệp” (Gia Khang, Kiến Văn, 2011: 125).

Triết học Pháp thời cận đại đã xuất hiện những tư tưởng cách mạng như: để phụ nữ tham gia hiệu quả vào những hoạt động chính trị thì phải chấm dứt việc họ phải lệ thuộc vào chồng con và phải phục tùng mù quáng giới tăng lữ (của một Hầu tước đồng thời cũng là một nhà triết học - De Condorcet); hay tư tưởng về phụ nữ cầm quyền cai trị (của Montesquieu). Với *Việc chấp nhận quyền công dân cho phụ nữ*, chính nhà triết học Pháp De Condorcet (1743-1794) đã chống lại những lập luận gọi là sự thấp kém tự nhiên của nữ giới, tiến đến giải phóng phụ nữ. Nếu những quan điểm khinh miệt, xem thường phụ nữ cho rằng: sự thay đổi này sẽ trái với lợi ích chung, bởi vì nó làm cho phụ nữ xa rời những “thiên chức” mà dường như thiên nhiên đã dành sẵn cho họ, thì Condorcet đã chỉ ra sai lầm và khẳng định: “Lời phản bác này tôi thấy hình như là thiếu cơ sở. Dẫu người ta lập ra hiến pháp nào đi nữa, vẫn chắc chắn rằng trong tình trạng hiện nay của văn minh châu Âu, sẽ chỉ có một số rất ít những công dân

có khả năng gánh vác việc công. Trong những tầng lớp giàu có, chúng ta không thấy ở đâu phải chăm lo việc nhà liên tục đến độ để phải sợ làm xao lãng họ chuyện đó... Như thế không nên tin rằng bởi vì phụ nữ có thể sẽ là thành viên của quốc hội mà họ sẽ lập tức bỏ bê con cái, công việc nội trợ, cây kim sợi chỉ” (Bernard Morichere, 2010: 704).

Những tư tưởng về giải phóng phụ nữ được đưa ra trong triết học Pháp mang tính chất cách mạng, phản ánh đúng vai trò, vị trí của phụ nữ. Ở thời kỳ này, người phụ nữ đã ý thức được giá trị của mình, không hề tỏ ra thua kém các đấng mày râu. Với đầu óc thông minh, uyên bác, cộng lời nói dịu dàng, cử chỉ phóng khoáng, tình yêu chân thành đối với văn học nghệ thuật, họ không hề kém cạnh trước các nhà khoa học, các triết gia nam giới nổi tiếng. Chẳng hạn Hầu tước phu nhân Châtelet đã từng học toán với Maupertuis nổi tiếng, từng dịch *Nguyên lý toán học của triết học tự nhiên* (Philosophiae Naturalis Principia Mathematica) của Newton; bà còn nhận giải thưởng của Viện Hàn lâm Pháp với cuốn sách *Về tính chất tự nhiên và sự lan truyền của lửa*; bên cạnh đó bà còn đứng ra chủ trì các buổi thảo luận về khoa học, nghệ thuật, quy tụ khá nhiều nhà triết học, văn nghệ sĩ nổi tiếng như Voltaire, Helvétius, Holbach...

Xuất phát từ hiện thực xã hội, từ tư tưởng về quyền tự do, bình đẳng của con người nói chung, phụ nữ nói riêng,

trong tác phẩm *Tinh thần pháp luật*, một lần nữa Montesquieu (1996: 84) đã nhấn mạnh: “chuyện đàn bà cầm đầu cả quốc gia thì chẳng có gì là trái với lý trí và trái tự nhiên... việc nước thì người đàn bà giỏi giang, mềm yếu nhưng thường có đức tính dịu dàng và mức độ vừa phải khiến cho nền cai trị được tốt hơn là đức tính cứng rắn và hung bạo của đàn ông”. Để chứng minh về khả năng lãnh đạo của phụ nữ, ông đưa ra những bằng chứng thực tế ở các nước trên thế giới như: Ấn Độ, một số nước ở Châu Phi, hay các nước ở Châu Âu, ví như Nga và Anh. Ở các nước này, vai trò, vị trí của người phụ nữ đã được thể hiện rõ. Ông còn nhấn mạnh rằng ví như ở Ấn Độ thì người ta thấy đàn bà cai trị là tốt, hay còn ở Nga và Anh, các nữ hoàng thành công cả trong chính thể chuyên chế và trong chính thể quân chủ ôn hòa.

Quan niệm đấu tranh đòi quyền bình đẳng cho phụ nữ của các nhà triết học Pháp thời cận đại không chỉ dừng lại ở sự bình đẳng về tham gia công việc chính trị, khoa học, nghệ thuật, các triết gia Pháp còn hướng tới việc bình đẳng trong gia đình, trong mối quan hệ vợ chồng. Những sự bất bình đẳng trong gia đình đã làm người phụ nữ chịu nhiều đau đớn về thể xác lẫn tinh thần. Ngay cả cái quyền quyết định hạnh phúc của bản thân mình, người phụ nữ cũng không có. Đó là vì người chồng là chủ gia đình, anh ta có hàng nghìn phương pháp để ép người vợ vào khuôn khổ và nắm trong tay cả cái

quyền ruồng bỏ, một thứ “lạm dụng mới về quyền lực”. Cho nên người vợ dù không còn tình cảm gì với chồng, cũng phải sống với chồng, sống trong cảnh đáng thương, cam chịu bởi luật pháp chỉ cho phép chồng bỏ vợ chứ không cho phép vợ được ruồng bỏ chồng.

Để đảm bảo quyền tự do, bình đẳng cho người phụ nữ, theo các nhà triết học Pháp thời kỳ này, bản thân những người vợ, người mẹ trong gia đình cần phải đứng lên, chống lại những hành động bất bình đẳng đó, không nên cam chịu, mà “đôi khi người vợ cần phải ruồng bỏ chồng”. Và hơn hết, xã hội cần phải điều chỉnh, sửa đổi lại hệ thống pháp luật sao cho phù hợp. Chính hệ thống luật pháp yếu kém, sai lầm là một trong những nguyên nhân dẫn đến sự bất bình đẳng trong gia đình, sự bất bình đẳng đối với phụ nữ. Theo Montesquieu cần phải có một “quy tắc chung”, đó là: “Ở các nước có luật cho phép chồng được tự ý bỏ vợ thì cũng phải cho phép vợ được tự ý bỏ chồng. Hơn thế nữa, ở xứ mà phụ nữ sống trong cảnh nô dịch gia đình thì có lẽ luật pháp chỉ nên cho phép vợ được bỏ chồng, còn chồng thì chỉ được phép ly dị khi cả hai bên thuận tình chứ không được đơn phương ruồng bỏ vợ” (Montesquieu, 1996: 142). Tư tưởng này thể hiện mong ước tốt đẹp của Montesquieu về sự bình đẳng cho phụ nữ nói chung, bình đẳng trong gia đình nói riêng. Nó chứa đựng giá trị nhân văn cao cả. Ông đã lên tiếng bảo vệ người

phụ nữ, đấu tranh cho hạnh phúc của họ. Với ông thì người phụ nữ là những người yếu đuối, cần được mọi người yêu thương, trân trọng và luật pháp bảo vệ.

2.3. Hoạt động thực tiễn đấu tranh chống áp bức, bất công

Không chỉ đề cao quyền tự do, bình đẳng của con người về mặt lý luận thông qua các tác phẩm mà những nhà triết học Pháp thế kỷ XVII - XVIII còn tiến hành hoạt động thực tiễn đấu tranh chống áp bức, bất công. Với những hành động kiên quyết, dũng cảm, các triết gia người Pháp này đã bênh vực, bảo vệ lẽ phải, bảo vệ quyền con người. Đây chính là điểm sáng, nét độc đáo, phản ánh tính nhân văn sâu sắc.

Trong số các nhà triết học dũng cảm đó, không thể không nhắc đến Montesquieu và Voltaire. Ngay từ khi còn trẻ, các ông đã tỏ rõ phẩm chất của mình, với tinh thần tự do, không khuất phục trước cường quyền, bạo ngược. Trong một lần Montesquieu nghe người lái đò ở Marseille cho biết cha anh ta bị bọn cướp bắt đưa sang Châu Phi đòi tiền chuộc. Bản thân anh này mặc dù rất thương cha, nhưng là dân lao động nghèo khổ, không cách gì kiếm đủ khoản tiền chuộc đó. Anh đau đớn thương xót cha mình trong sự bất lực, tuyệt vọng. Thấu hiểu và cảm động trước tình cảnh khốn khổ của người lái đò, Montesquieu - nhà triết học đáng quý này đã âm thầm bỏ một khoản tiền lớn để chuộc lại cha cho người này.

Voltaire - Francois Marie Arouet (1694-1788), năm 21 tuổi đã táo bạo mĩa mai chính sách độc tài của quan phụ chính đại thần, ngay lập tức ông bị tống giam trong ngục thất Bastille. Những ngày tháng sống trong ngục tối không làm Voltaire nhụt chí, lung lạc, mà ngược lại ông vẫn lạc quan, yêu đời, yêu tự do. Lần thứ hai ông lại bị nhốt vào ngục là do dám ngang nhiên bày tỏ tinh thần tự do, quyền bình đẳng của con người trước mặt nhà quý tộc De Rohan. Bị nhốt vào ngục lần thứ hai, ông lại càng thấu hiểu hơn sự áp bức, bất công, nung nấu khát vọng tự do, bình đẳng cho con người. Những ngày tháng sống trong ngục là những ngày tháng ông rèn luyện tinh thần đấu tranh. Đến khi ra tù, ông hăm hở sáng tác, viết kịch, đấu tranh vì tự do, bình đẳng. Người ta đã dần biết đến tên tuổi của một nhà triết học, nhà văn học, nhà viết kịch đầy tài năng này. Nhưng trên hết, người đời vẫn không thể quên tinh thần đấu tranh, những việc làm có ý nghĩa, mang tính nhân văn cao cả của Voltaire trong các vụ giải oan. Suốt ba năm liền Voltaire đã không ngại khó khăn, gian khổ, bỏ công bỏ sức, tranh thủ dư luận đòi lại công lý cho bà vợ và các con của nhà buôn Calas. Trong vụ Xirven, nhà triết học khai sáng này đã kiên quyết đấu tranh vì công lý, nói lên tiếng nói tự do, bình đẳng của con người. Một mặt Voltaire tranh thủ bạn bè, tranh thủ các mối quan hệ, mặt khác ông tranh thủ sức ép dư luận quần chúng. Trước tinh thần đấu

tranh quyết liệt, được dư luận đồng tình ủng hộ, giáo hội bắt đầu lo ngại về những hành động của Voltaire. Họ bàn nhau mua chuộc Voltaire, sẽ phong cho ông làm hồng y đổi lấy sự im lặng và bỏ qua những việc làm sai trái, vi phạm quyền con người của họ trước đây. Nhưng ông đã từ chối, kiên quyết vạch trần bản chất vô nhân đạo của tòa án, của Giáo hội, bắt tòa án phải điều tra lại và trả lại tự do cho những người vô tội... Tất cả những hành động trên đã chứng minh tinh thần cách mạng, tư tưởng nhân đạo cao cả của các nhà triết học Pháp nói chung, triết gia Montesquieu và Voltaire nói riêng.

Nếu tư tưởng nhân văn thời phục hưng mới chỉ dừng lại ở một số kiến nghị, châm biếm sự tuyên truyền chủ nghĩa cấm dục của Giáo hội và bện quý tộc suốt ngày no say lười nhác, biểu đạt nguyện vọng cháy bỏng của giai cấp tư sản muốn thoát khỏi sự nô dịch về tinh thần qua các tác phẩm văn học hay tìm hiểu con người và nhân tính... thì đến thời cận đại, các triết gia khai sáng Pháp đã hiện ngang đầu tranh trực tiếp, quyết liệt với nền quân chủ chuyên chế thối nát. Họ thể hiện tinh thần cách mạng, tiến bộ của giai cấp tư sản đang ngày một lớn mạnh. Ngọn cờ tư tưởng về quyền tự do, bình đẳng của con người đến Voltaire đã trở thành những hành động tranh đấu cụ thể, thiết thực, “bằng những tư tưởng nhân đạo, bằng những hành động dân thân dũng cảm nhằm bảo vệ con người, phụng

sự công lý, Voltaire vĩ đại của thế kỷ XVIII vẫn mãi mãi sống với thế giới văn minh” (dẫn theo Nguyễn Trọng Chuẩn, 2002: 208).

Trong bầu không khí bất mãn, căm ghét triều đình, những tư tưởng tiến bộ của các triết gia thời kỳ này được nhân dân đón nhận và có sức lan tỏa mạnh mẽ. Mang đến cho người dân Pháp những hiểu biết mới, giúp họ tự tin hơn và dũng cảm hơn. Họ không thể chấp nhận xã hội đương thời đầy rẫy bất công, xấu xa, tàn bạo. Cuộc cách mạng tư sản làm rung động thế giới tất yếu đã nổ ra năm 1789. Trong cuộc cách mạng thì những tư tưởng tiến bộ của các nhà khai sáng Pháp, nhất là tư tưởng về quyền tự do, bình đẳng con người đã trở thành những tiền đề quan trọng. Nhan đề bản “Tuyên ngôn Nhân quyền và Dân quyền” của nước Pháp đã khẳng định vấn đề xem trọng con người, đề cao quyền của con người, xem đó là điều thiêng liêng nhất, cao quý nhất.

Bản *Tuyên ngôn Nhân quyền và Dân quyền* của nước Pháp vẹn vẹn có 17 Điều, trong đó, ngay ở điều đầu tiên đã khẳng định: “Mọi người sinh ra và sống tự do và bình đẳng về các quyền, mọi phân biệt xã hội chỉ có thể đặt trên cơ sở ích lợi chung” (dẫn theo Phạm Khiêm Ích, 1998: 112). Với lời lẽ ngắn gọn, khúc chiết, đề cập đến những vấn đề cơ bản nhất, thiết thực nhất bản tuyên ngôn đã thể hiện tinh thần nhân văn cao cả. Nó nói lên được khát vọng to lớn không chỉ của người dân Pháp mà của toàn nhân

loại đồng thời đập tan những tư tưởng xuyên tạc, ru ngủ của tầng lớp quý tộc, tầng lũ. Không dừng lại, đến Điều 4 trong bản tuyên ngôn, tự do của con người một lần nữa lại được khẳng định và nhấn mạnh: “Tự do có nghĩa là có thể làm mọi điều không gây hại cho người khác. Như vậy việc thực hành các quyền tự nhiên của mỗi người chỉ bị giới hạn trong sự đảm bảo các thành viên khác của xã hội được hưởng các quyền đó; các giới hạn này chỉ có thể do luật pháp quy định” (dẫn theo Phạm Khiêm Ích, 1998: 112).

Triết học Pháp thời cận đại đã không ngừng phát triển với những quan niệm tiến bộ về con người, trong đó nổi bật nhất là tính nhân văn. Tính nhân văn trong triết học Pháp thời kỳ này đã có những giá trị to lớn, là một trong số những tiền đề gián tiếp của chủ nghĩa Marx. Chính Friedrich Engels (2004: 42) đã từng thừa nhận sự giống nhau kỳ lạ giữa cách thức suy luận của Karl Marx trong bộ *Tư bản* với tác giả tiểu luận *Về nguồn gốc của sự bất bình đẳng* – Jean Jacques Rousseau, khi bàn về việc quần chúng nhân dân đã mạnh mẽ đấu tranh, chống lại những kẻ đứng đầu nhà nước nhưng lộng quyền, làm những việc sai trái, đi ngược lại lợi ích của người dân. Vladimir Ilyich Lenin (2006: 510) sau này từng khái quát: “Cơ sở triết học của chủ nghĩa Marx là chủ nghĩa duy vật biện chứng, một chủ nghĩa đã hoàn toàn hấp thụ những truyền thống lịch sử của chủ nghĩa duy vật của thế

kỷ XVIII ở Pháp và của Feuerbach ở Đức (nửa đầu thế kỷ XIX), tức là chủ nghĩa duy vật tuyệt đối vô thần, kiên quyết thù địch với mọi tôn giáo”.

Tuy nhiên, bên cạnh những giá trị đạt được thì quan niệm của các triết gia Pháp về con người thời kỳ này vẫn còn mắc phải những hạn chế nhất định. Đa phần những nhà tư tưởng, nhà triết học thời kỳ này, họ đều xuất thân từ giai cấp tư sản (Helvétius, Montesquieu, Holbach, Voltaire), đấu tranh chống chế độ phong kiến vì lợi ích cho giai cấp mình, không phải vì quyền lợi của đông đảo quần chúng nhân dân lao động. Sự ra đời giai cấp tư sản trong lịch sử, cũng như sự lật đổ giai cấp phong kiến của nó chỉ là thay thế hình thức bóc lột này bằng hình thức bóc lột khác tinh vi hơn, “bình đẳng rút cục lại là bình đẳng tư sản trước pháp luật; rằng một trong những quyền chủ yếu của con người đã được ban bố... là quyền sở hữu tư sản” (Engels, 2004: 29).

Mặc dù đưa ra những tư tưởng tiến bộ, mang tính cách mạng cao như *Khế ước xã hội* của Rousseau hay *Tinh thần pháp luật* của Montesquieu thì nó cũng chỉ ra đời và tồn tại dưới hình thức một nền cộng hòa dân chủ tư sản. Quan niệm về con người của những nhà tư tưởng, nhà triết học vĩ đại của thế kỷ XVIII cũng không hơn gì những tiền bối của họ (ở thế kỷ trước), không thể vượt qua được những giới hạn của thời đại. Và nhìn chung thì người bị bóc lột, phải chịu nhiều bất hạnh nhất trong xã hội vẫn

là những người dân lao động nghèo. Tự do của con người chỉ là tự do theo những luật lệ mới do giai cấp tư sản đề ra nhằm mục đích để bề sử dụng, bóc lột. Có thể nhận thấy, đây không chỉ là hạn chế riêng của triết học Pháp thế kỷ XVII - XVIII mà cũng là hạn chế chung của nền triết học trước triết học Marx. Những hạn chế đó phải đợi đến triết học Marx - Lenin mới được khắc phục.

3. KẾT LUẬN

Người xưa có câu "Ôn cố tri tân" - kế thừa cái cũ để nắm bắt cái mới nên việc đi ngược dòng thời gian để xem xét, tìm hiểu, đánh giá tính nhân văn trong triết học Pháp thời kỳ cận đại là

việc làm cần thiết. Vượt lên những hạn chế nhất định, quan niệm về con người, vấn đề tự do của con người trong triết học Pháp thời kỳ này đã có những giá trị to lớn, là tiền đề, ngọn cờ lý luận cho phong trào cách mạng Pháp cũng như cách mạng thế giới sau này. Thông qua việc đấu tranh vì quyền tự do, bình đẳng cho con người, tư tưởng nhân văn này cũng hướng đến giải phóng con người. Nó không chỉ giúp ta có cái nhìn sâu sắc, toàn diện về tính nhân văn trong lịch sử triết học nói chung và lịch sử triết học Pháp thời kỳ cận đại nói riêng mà còn góp phần khẳng định tính khoa học và tính cách mạng của chủ nghĩa Marx - Lenin. □

CHÚ THÍCH

(1) Lefevred' Etaples là người đã phiên dịch toàn bộ quyển *Thánh kinh* từ tiếng Latinh sang tiếng Pháp, có ý nghĩa to lớn trong việc phổ cập ngôn ngữ dân tộc, phản bác lại quan điểm các nhà thần học thời bấy giờ.

Francois Rabelais - một nhà nhân văn chủ nghĩa, nhà khoa học, thầy thuốc, nhà giải phẫu học. Với *Gargantua và Pantagruel* ông đã châm biếm những thói hư tật xấu của Giáo hội đương thời cùng những bất công trong xã hội.

Michel Eyquem de Montaigne - nhà văn, nhà triết học theo chủ nghĩa nhân văn tiêu biểu thời phục hưng. Qua *Tiểu luận* ông đã phê phán chủ nghĩa kinh viện thời trung cổ, nghi ngờ những tín điều tôn giáo và bản thân khái niệm về Chúa.

(2) Francis Bacon - ông tổ của chủ nghĩa kinh nghiệm Anh, với các tác phẩm nổi tiếng *Đại phục hồi các khoa học, Công cụ mới...* Ông là người thúc đẩy việc sử dụng phương pháp quy nạp và quan sát trực tiếp chống lại chủ nghĩa kinh viện dựa trên uy quyền, lòng tin và phương pháp suy diễn. Với câu nói "Tri thức là sức mạnh", Bacon đã kêu gọi cần phát huy mọi tiềm năng trí tuệ của con người.

John Locke - một đại biểu triết học Anh thế kỷ XVIII, tác phẩm *Luận về sự hiểu biết của con người* ông đã nghiên cứu khả năng nhận thức và nguồn gốc của tri thức con người, xem đó là vấn đề trung tâm trong hệ thống triết học của mình. Lý luận nhận thức của Locke là sự tiếp tục quan điểm của F. Bacon. Ông cho rằng nguồn gốc của tri thức là từ kinh nghiệm. Sự tác động của các sự vật hiện tượng trong thế giới khách quan vào các giác quan của con người đã hình thành nên những tài liệu cảm tính, làm thành kinh nghiệm.